1. **KHÁI QUÁT NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI**

**BÀI 1: SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

**CỦA CÁC NHÓM NƯỚC. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI.**

**I. Sự phân chia thành các nhóm nước**

- Thế giới gồm hai nhóm nước

+ Các nước phát triển có: Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người (GDP/người) cao, đầu tư nước ngoài (FDI) nhiều, chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức cao.

+ Các nước đang phát triển có: GDP/người thấp, nợ nước ngoài nhiều, HDI ở mức thấp.

 Trong nhóm nước đang phát triển có một số nước đã trải qua quá trình *công nghiệp hóa và* đạt được trình độ phát triển nhất định về *công nghiệp* gọi chung là các nước *công nghiệp mới* (NICs): Hàn Quốc, Sing-ga-po, Đài Loan, Bra-xin,…

**II. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí phát triển** | **Nhóm nước phát triển** | **Nhóm nước đang phát triển** |
| **GDP/ người** | Thu nhập bình quân đầu người cao. | Thu nhập bình quân đầu người cao. |
| **Cơ cấu kinh tế (%GDP)** | - Tỉ trọng khu vực III cao trên 60%, tỉ trọng khu vực I thấp. | Tỉ trọng khu vựa III còn khiêm tốn dưới 60% GDP, tỉ trọng khu vực I chiếm tỉ trọng khá cao. |
| **Tuổi thọ trung bình** | Tuổi thọ TB cao > 80 tuổi | Tuổi thọ TB thấp 70 tuổi. |
| **Chỉ số phát triển con người (HDI)** | Chỉ số phát triển con người cao >0.8 | Chỉ số phát triển con người thấp > 0,6 |

**III. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại**

***1. Đặc điểm nổi bật***

-Xuất hiện vào cuối thế kỉ 20 đầu thế kỉ 21.

- Đặc trưng của cuộc cách mạng này là xuất hiện và phát triển nhanh chóng công nghệ cao.

- Bốn công nghệ trụ cột: công nhệ sinh học, công nghệ vật liệu, công nghệ năng lượng và công nghệ thông tin.

*+ Công nghệ sinh học: tạo ra giống mới, những bước tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh…*

*+ Công nghệ vật liệu: tạo ra vật liệu composite, chất bán dẫn, sợi nhân tạo…*

*+ Công nghệ năng lượng: tăng cường sử dụng năng lượng Mặt Trời, gió, sinh học, địa nhiệt, thủy triều…*

*+ Công nghệ thông tin: tạo ra các vi mạch, chip điện tử có tốc độ xử lý cao, kỹ thuật số hóa, công nghệ laser, cáp sợi quang..*

***2. Tác động***

* Xuất hiện nhiều ngành mới, nhất là trong lĩnh vực công nghệ và dịch vụ, tạo ra những bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ.

- Xuất hiện nền kinh tế tri thức.

\****Nền kinh tế tri thức***: là nền kinh tế dựa trên tri thức, kĩ thuật, và công nghệ cao.

**BÀI 2: XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ**

**I. Xu hướng toàn cầu hóa kinh tế**

**1. Toàn cầu hóa kinh tế**

***a. Khái niệm:*** Toàn cầu hóa làquá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt từ kinh tế đến văn hóa, khoa học …Có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của KT – XH thế giới.

***b. Biểu hiện:***

- ***Thương mại thế giới phát triển mạnh***: tốc độ gia tăng trao đổi hàng hóa trên thế giới nhanh hơn nhiều so với gia tăng GDP.

**- Đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh**

 + Từ năm 1990 đến năm 2004, tổng đầu tư nước ngoài tăng từ 1.774 tỉ USD lên 8.895 tỉ USD.

 + Trong đó, dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng lớn, nhất là tài chính, ngân hàng, bảo hiểm…

**- Thị trường tài chính quốc tế mở rộng**

 *+ Nhiều ngân hàng của các nước trên thế giới được liên kết với nhau.*

 *+ Các tổ chức quốc tế được hình thành như: Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB)… có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia cũng như toàn thế giới.*

**- Các công ty xuyên quốc gia được hình thành và có vai trò ngày càng lớn:** hoạt động trên nhiều quốc gia, nắm nguồn của cải vật chất lớn, chi phối nhiều ngành kinh tế quan trọng.

**2. Hệ quả của toàn cầu hóa**

***a. Mặt tích cực:***Thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đẩy mạnh đầu tư, tăng cường sự hợp tác quốc tế.

***b. Tiêu cực:*** Làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo.

**II. Xu hướng khu vực hóa kinh tế:**

**1. Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực**

***a. Nguyên nhân hình thành***

- Do sự phát triển không đều và sức ép cạnh tranh trong các khu vực trên thế giới.

**b. Điều kiện hợp tác**: Có nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội. Có chung mục tiêu và lợi ích phát triển.

***c. Các tổ chức liên kết khu vực lớn*** (bảng 2- trang 11, SGK Địa lí 11)

- Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).

- Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mĩ (NAFTA).

- Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương(APEC).

- Thị trường chung Nam Mĩ (MERCOSUR)

- Liên minh châu Âu (EU).

**2. Hệ quả của khu vực hóa kinh tế:**

***a. Mặt tích cực:***

- Thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, tăng cường tự do hóa thương mại, đầu tư dịch vụ trong các khu vực và giữa các khu vực với nhau.

- Thúc đẩy mở cửa thị trường, tạo lập thị trường khu vực rộng lớn.

- Tăng cường quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.

***b. Thách thức:*** Quyền tự chủ về kinh tế và quyền lực quốc gia bị suy giảm.

**BÀI 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU**

**I. Dân số**

**1. Bùng nổ dân số:**

**-**Dân số thế giới ngày càng tăng, (năm 2020: gần 7,8 tỉ người)

**-** Bùng nổ dân số là hiện tượng sân số tăng nhanh trong khoảng thời gian ngắn, tỉ lệ gia tăng dân số thường trên 2%.

- Bùng nổ dân số diễn ra chủ yếu ở nhóm nước đang phát triển.

Các nước này chiếm 80% dân số và 95% số dân gia tăng hàng năm của thế giới.

- Nguyên nhân : do tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao, trình độ phát triển kinh tế thấp, ý thức của người dân chưa cao…

- Hậu quả: Gây sức ép đến kinh tế (nghèo, thiếu lương thực), xã hội (nhà ở, việc làm, thất nghiệp, an ninh…) và môi trường

**2. Già hóa dân số:**

- Dân số thế giới đang già đi , được biểu hiện ở:

+ Tỉ lệ người dưới 15 tuổi ngày càng thấp, tỉ lệ người trên 65 tuổi ngày càng cao.

+ Tuổi thọ trung bình ngày càng tăng.

- Sự già hóa dân số chủ yếu diễn ra ở nhóm nước phát triển

- Hậu quả: Thiếu nguồn lao động trong tương lai nhất là lao động phổ thông, chi phí phúc lợi cho người già ngày càng lớn.

**II. Môi trường**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề môi trường** | **Nguyên nhân** | **Hậu quả** | **Giải pháp** |
| **Biến đổi khí hậu toàn cầu** | - Lượng CO2 trong hoạt động CN tăng trong bầu khí quyển => Hiệu ứng nhà kính => Nhiệt độ TĐ tăng => KH biến đổi. | - Khí hậu biến đổi và băng 2 cực tan, nước biển dâng, mưa lớn, hạn hán, gia tăng bão, siêu bão, các hiện tượng thời tiến cực đoan như giông, lốc, mưa đá, vòi rồng… | - Cắt giảm lượng khí CO2.- Thay đổi công nghệ.- Xử lý khí thải trước khi thải vào môi trường.- Nâng cao ý thức con người. |
| **Suy giảm tầng ô dôn**  | Lượng khí CFCs trong công nghiệp. | **-**Tầng ô dôn mỏng đi, lỗ thủng rộng ra => tia bức xạ có hại trực tiếp gây hại đến nông nghiệp, các bệnh tật cho con người | - Cắt giảm lượng khí CFCs.- Thay đổi công nghệ.- Xử lý khí thải trước khi thải vào môi trường.- Nâng cao ý thức con người. |
| **Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương** | Chất thải công nghiệp và sinh hoạt chưa được xử lý.- Thiên tai như động đất, sóng thần, mưa bã gây ngập lụt.- Đắm tàu, tràn dầu. | Ô nhiễm nguồn nước ngọt, nước biển => thiếu nước sạch, giảm đa dạng sinh học. | - Cắt giảm lượng khí CO2.- Thay đổi công nghệ.- Xử lý khí thải trước khi thải vào môi trường.- Nâng cao ý thức con người. |
| **Suy giảm đa dạng sinh học** | - Khai thác trái phép, quá mức.- Hoạt động kinh tế làm ô nhiễm môi trường sống.- Thiên tai. | - Giảm số lượng và chất lượng loài, gen di truyền, nguồn thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nguyên liệu cho sản xuất. | - Quy định việc khai thác.- Ban hành sách đỏ.- Xử lý khí thải trước khi thải vào môi trường.- Nâng cao ý thức con người. |

**III. Một số vấn đề khác**

- Xung đột sắc tộc, tôn giáo và nạn khủng bố.

- Nạn khủng bố

- Hoạt động kinh tế ngầm: buôn vũ khí, ma túy, rửa tiền

**BÀI 4 :THỰC HÀNH :**

**Tìm hiểu những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển**

**Dựa vào 7 ô thông tin trong sách giáo khoa hoàn thành chỉnh bảng sau :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VẤN ĐỀ** | **CƠ HỘI** | **THÁCH THỨC** |
| **1.Tự do hóa thương mại** |  |  |
| **2.Cách mạng khoa học công nghệ** |  |  |
| **3.Sự áp đặt lối sống, văn hóa của các siêu cường** |  |  |
| **4. Chuyển giao công nghệ vì lợi nhuận** |  |  |
| **5. Toàn cầu hóa trong công nghệ** |  |  |
| **6.Chuyển giao thành tựu của nhân loại**  |  |  |
| **7. Sự đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế** |  |  |